

Số: 96/2023/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng
các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 15**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;
Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;
Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
Căn cứ Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Tiêu mục II Mục A

"

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN

II	Phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá				
	Miễn thu phí đối với trẻ em dưới 6 tuổi; người khuyết tật đặc biệt nặng.				
1	Tuyến Bích Động - Động Tiên - Xuyên Thủy Động	Đồng/người/lượt		100%	0%
a	Người lớn		60.000		
b	Trẻ em từ 6 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật nặng		30.000		
2	Tuyến Đình Các - Tam Cốc	Đồng/người/lượt		100%	0%
a	Người lớn		60.000		
b	Trẻ em từ 6 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật nặng		30.000		

”

2. Sửa đổi, bổ sung Tiêu mục IV Mục A

“

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu		Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
			Dạng giấy	Dạng số		
IV	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai				90%	10%
1	Cung cấp theo hình thức trực tiếp					
a	Tài liệu bản đồ, tài liệu thông tin địa lý	Đồng/mảnh	18.000	15.000		
b	Tài liệu khác về đất đai	Đồng/trang	10.000	8.000		
c	Trích xuất, tổng hợp thông tin từ tài liệu lưu trữ	Đồng/trường dữ liệu	4.000	4.000		

2	Cung cấp qua đường bưu chính					
a	Tài liệu bản đồ, tài liệu thông tin địa lý	Đồng/ mảnh	19.000	15.000		
b	Tài liệu khác về đất đai	Đồng/ trang	11.000	9.000		
c	Trích xuất, tổng hợp thông tin từ tài liệu lưu trữ	Đồng/ trường dữ liệu	5.000	4.000		
3	Không áp dụng thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với các trường hợp sau:					
a	Cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan; Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan Tài nguyên và Môi trường ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp được cung cấp dữ liệu đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai.					
b	Cung cấp dữ liệu cho cơ quan điều tra, cơ quan thanh tra, Thi hành án dân sự và Tòa án nhân dân để thực hiện nhiệm vụ điều tra về lĩnh vực đất đai; cơ quan cung cấp dữ liệu đất đai có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan.					
c	Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.					
4	Mức thu trên được tính cho việc cung cấp thông tin, tài liệu trực tiếp dưới hình thức cấp bản sao hoặc cấp chứng thực lưu trữ cho một trang tài liệu khổ A ₄ hoặc mảnh bản đồ, tài liệu thông tin địa lý dạng giấy, <i>dạng số</i> . Khi số lượng trang (<i>hoặc mảnh</i>) khai thác > 1, mức cho mỗi trang (<i>hoặc mảnh</i>) tăng thêm tính bằng 0,11 mức quy định trong bảng trên (<i>áp dụng số trang nhân bản của một trang (mảnh) hoặc trang tiếp theo trong cùng một hồ sơ yêu cầu cung cấp</i>)					

3. Sửa đổi, bổ sung Tiểu mục IX Mục A

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
IX	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đồng/hồ sơ	30.000	80%	20%
	Không áp dụng thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với các trường hợp sau đây:				

1	Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
2	Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng do lỗi của người thực hiện đăng ký.
3	Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.
4	Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân sau khi được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.
5	Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên
6	Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng
7	Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

”

4. Sửa đổi Tiêu mục X Mục A

“

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
X	Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống			80%	20%
1	Đối với cây lâm nghiệp				
a	Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây trội	Đồng/cây	450.000		
b	Bình tuyển, công nhận vườn cây đầu dòng	Đồng/giống	1.000.000		
c	Bình tuyển, công nhận lại vườn cây đầu dòng	Đồng/giống	475.000		
d	Bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống	Đồng/01 vườn, rừng giống	2.750.000		

2	Đối với hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.		Bằng 50% mức thu tương ứng quy định tại khoản 1 Mục X Phần A		
---	--	--	--	--	--

5. Sửa đổi, bổ sung Tiểu mục XII Mục A

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
XII	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm			90%	10%
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm lần đầu	đồng/hồ sơ	80.000		
2	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	đồng/hồ sơ	60.000		
3	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	đồng/hồ sơ	30.000		
4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	đồng/hồ sơ	20.000		
5	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm	Đồng/trường hợp	25.000		
6	Không áp dụng thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau:				
a	Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.				
b	Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng do lỗi của cán bộ đăng ký.				
c	Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xoá thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.				
d	Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân sau khi được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.				
e	Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.				
g	Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.				
h	Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.				

6. Sửa đổi, bổ sung Tiêu mục V Mục B

“

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
V	Lệ phí cấp giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất			0%	100%
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc thành phố Ninh Bình, Tam Điệp				
a	Cấp lần đầu, cấp mới GCN				
	Cấp GCN đối với đất	Đồng/GCN	23.000		
	Cấp GCN đối với tài sản	Đồng/GCN	23.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản	Đồng/GCN	30.000		
b	Cấp đổi, cấp lại GCN				
	Cấp GCN đối với đất	Đồng/GCN	11.000		
	Cấp GCN đối với tài sản	Đồng/GCN	11.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản	Đồng/GCN	15.000		
c	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai				
	Cấp GCN đối với đất	Đồng/GCN	11.000		
	Cấp GCN đối với tài sản	Đồng/GCN	11.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản	Đồng/GCN	14.000		
d	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Đồng/văn bản	23.000		
2	Đối với hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn thuộc các huyện		50% mức thu tương ứng quy định tại khoản 1 Mục V Phần B		
3	Đối với tổ chức				
a	Cấp lần đầu, cấp mới GCN				
	Cấp GCN đối với đất	Đồng/GCN	46.000		

	Cấp GCN đối với tài sản	Đồng/GCN	46.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản	Đồng/GCN	59.000		
b	Cấp đổi, cấp lại GCN				
	Cấp GCN đối với đất	Đồng/GCN	11.000		
	Cấp GCN đối với tài sản	Đồng/GCN	11.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản	Đồng/GCN	15.000		
c	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai				
	Cấp GCN đối với đất	Đồng/GCN	13.000		
	Cấp GCN đối với tài sản	Đồng/GCN	13.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản	Đồng/GCN	16.000		
d	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Đồng/văn bản	23.000		
4	Không áp dụng thu lệ phí cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất đối với các trường hợp sau đây:				
a	Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thành phố trực thuộc trung ương và các phường nội thành phố, thị xã thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn).				
b	Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.				

Điều 2. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

1. Sửa đổi tỷ lệ để lại và nộp ngân sách nhà nước của Phí thăm quan khu lịch sử văn hoá Cố đô Hoa Lư tại khoản 9 Tiểu mục II Mục A

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
9	Phí thăm quan Khu di tích lịch sử văn hoá Cố đô Hoa Lư	Đồng/ người/lượt		90%	10%

	Miễn thu phí đối với trẻ em dưới 6 tuổi; người khuyết tật đặc biệt nặng.				
a	Người lớn		20.000		
b	Trẻ em từ 6 đến 15 tuổi, người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, người khuyết tật nặng		10.000		

”

Điều 3. Sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

4. Sửa đổi Tiêu mục XIII Mục A

“

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
XIII	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/hồ sơ/GCN		90%	10%
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân				
a	Cấp GCN lần đầu, cấp mới GCN				
	Cấp GCN đối với đất		150.000	90%	10%
	Cấp GCN đối với tài sản		150.000		
	Cấp GCN đối đất và tài sản		190.000		
b	Cấp đổi, cấp lại GCN				
	Cấp GCN đối với đất		210.000	90%	10%
	Cấp GCN đối với tài sản		210.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản		270.000		
c	Chứng nhận biến động vào GCN đã cấp				
	Cấp GCN đối với đất		370.000	90%	10%
	Cấp GCN đối với tài sản		500.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản		610.000		

2	Đối với tổ chức sử dụng đất				
a	Cấp GCN lần đầu, cấp mới GCN				
	Cấp GCN đối với đất		1.130.000	90%	10%
	Cấp GCN đối với tài sản		1.130.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản		1.460.000		
b	Cấp đổi, cấp lại GCN				
	Cấp GCN đối với đất		390.000	90%	10%
	Cấp GCN đối với tài sản		390.000		
	Cấp GCN đối với tài sản		500.000		
c	Chứng nhận biến động vào GCN đã cấp				
	Cấp GCN đối với đất		1.100.000	90%	10%
	Cấp GCN đối với tài sản		1.100.000		
	Cấp GCN đối với đất và tài sản		1.430.000		
3	Không áp dụng thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các trường hợp sau: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.				

Điều 4. Quy định mức thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến

1. Đối với các khoản phí

a) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: mức thu bằng 80% mức thu phí theo quy định hiện hành tại Nghị quyết này.

b) Đối với các khoản phí còn lại: Mức thu bằng 70% mức thu phí theo quy định hiện hành tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016, số 19/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019, số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết này.

2. Đối với các khoản lệ phí: Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí theo quy định hiện hành tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016, số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết này.

3. Đối tượng được miễn, giảm; chế độ miễn, giảm và chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thực hiện theo quy định hiện hành tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016, số 19/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019, số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Tuất